



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỄN ĐÔNG

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI DƯƠNG
CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Thông tin chung	1
2. Báo cáo của Ban giám hiệu	2
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
4. Bảng cân đối kế toán	5
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 15

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Trường Cao đẳng Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Nhà trường") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 321/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 17 tháng 01 năm 2007. Hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đã bàn giao chức năng quản lý Nhà trường sang cho Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Nhà trường đang hoạt động theo Điều lệ trường Cao đẳng do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành tại thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH 21 tháng 10 năm 2021.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : 207/20/1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0305353169

Điện thoại : (028) 3891 1111

Trường Cao đẳng Viễn Đông được chuyển địa điểm hoạt động về Lô số 2, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 2183/UBND-VX ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Viễn Đông theo quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là:

- Chuẩn bị đủ điều kiện để mở ngành đào tạo và triển khai đào tạo bồi dưỡng cán bộ ở trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn bao gồm các chuyên ngành chủ yếu: công nghệ điện- điện tử, công nghệ cơ điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ điện tử viễn thông, công nghệ khuôn mẫu, quản trị kinh doanh, kế toán và ngoại ngữ;
- Nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Nhà trường trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Oanh	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Tuyết Oanh	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên

BAN GIÁM HIỆU

Các thành viên Ban giám hiệu Nhà trường trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng
Bà Nguyễn Hồng Trang	Phó Hiệu trưởng
Bà Phan Thị Lệ Thu	Phó Hiệu trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Nhà trường trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Hải.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Thái Dương là công ty kiểm toán cho Nhà trường.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM HIỆU

Ban giám hiệu Trường Cao đẳng Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Nhà trường") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Nhà trường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM HIỆU ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban giám hiệu chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhà trường trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban giám hiệu cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhà trường có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhà trường sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban giám hiệu chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhà trường, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban giám hiệu cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhà trường và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban giám hiệu cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM HIỆU

Theo ý kiến của Ban giám hiệu, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhà trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám hiệu



Trần Thanh Hải

Hiệu trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI DƯƠNG CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Số 88 đường DX006, Phường Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0978 100 714

Email: sun.aud.bd@gmail.com * Web: www.thaiduongaudit.vn

Số: 05.04.01/BCKT-TDBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban giám hiệu
Trường Cao đẳng Viễn Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Trường Cao đẳng Viễn Đông (gọi tắt là "Nhà trường") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 15, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban giám hiệu

Ban giám hiệu Nhà trường chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Nhà trường theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám hiệu xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Nhà trường có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhà trường liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhà trường. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám hiệu cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trường Cao đẳng Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI DƯƠNG



Nguyễn Thế Văn - Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2874-2020-295-1

Ngày 05 tháng 04 năm 2022

Hồ Thị Thúy Lan - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 4389-2019-295-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.404.653.955	3.782.650.786
II. Các khoản phải thu	130		14.838.007.572	11.063.064.406
1 Phải thu của khách hàng	131	5	5.677.500.000	3.396.300.000
2 Trả trước cho người bán	132	6	5.040.990.985	5.208.443.680
3 Phải thu khác	136	7	4.119.516.587	2.458.320.726
III. Tài sản cố định	150	8	4.126.268.493	4.375.138.811
- Nguyên giá	151		13.926.723.961	13.835.933.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		(9.800.455.468)	(9.460.795.150)
IV. Xây dựng cơ bản dở dang	170	9	10.362.972.258	10.362.972.258
V. Tài sản khác	180		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	200		32.731.902.278	29.583.826.261
NGUỒN VỐN				
I. Nợ phải trả	300		7.467.781.744	9.445.111.925
1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	201.438.569	56.850.767
2 Vay và nợ thuê tài chính	316	11	7.125.000.000	9.193.797.000
3 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		141.343.175	194.464.158
II. Vốn chủ sở hữu	400	12	25.264.120.534	20.138.714.336
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	20.000.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		264.120.534	138.714.336
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		32.731.902.278	29.583.826.261



Lê Thị Thúy Cẩm

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022



Trần Thanh Hải

Hiệu trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13.1	18.011.824.640	19.191.790.537
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18.011.824.640	19.191.790.537
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	14	14.854.538.928	15.664.060.139
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.157.285.712	3.527.730.398
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	13.2	325.685	750.901
7 Chi phí tài chính	22		771.796.578	372.577.610
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		771.796.578	372.577.610
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	24	15	2.239.993.658	3.004.620.932
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		145.821.161	151.282.757
11 Thu nhập khác	31		-	-
12 Chi phí khác	32		-	-
13 Lợi nhuận khác	40		-	-
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		145.821.161	151.282.757
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16.1	20.414.963	21.179.586
16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		125.406.198	130.103.171



Lê Thị Thúy Cẩm
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022



Trần Thanh Hải
Hiệu trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		145.821.161	151.282.757
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		339.660.318	748.398.235
- Chi phí lãi vay	06		771.796.578	372.577.610
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.257.278.057	1.272.258.602
- Tăng các khoản phải thu	09		(3.774.943.166)	(343.738.927)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		144.587.802	(6.055.552.304)
- Giảm chi phí trả trước	12		-	72.579.661
- Tiền lãi vay đã trả	14		(771.796.578)	(372.577.610)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.414.963)	(39.433.110)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(53.120.983)	(29.206.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.218.409.831)	(5.495.670.362)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(90.790.000)	(12.297.485.116)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(90.790.000)	(12.297.485.116)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.000.000.000	5.500.000.000
2 Tiền thu từ đi vay	33		7.492.699.192	16.811.783.896
3 Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.561.496.192)	(7.617.986.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.931.203.000	14.693.797.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(377.996.831)	(3.099.358.478)
Tiền đầu năm	60	4	3.782.650.786	6.882.009.264
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền cuối năm	70	4	3.404.653.955	3.782.650.786



Lê Thị Thủy Cẩm
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022



Trần Thanh Hải
Hiệu trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Trường Cao đẳng Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Nhà trường") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 321/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 17 tháng 01 năm 2007. Hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đã bàn giao chức năng quản lý Nhà trường sang cho Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Nhà trường đang hoạt động theo Điều lệ trường Cao đẳng do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành tại thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH 21 tháng 10 năm 2021.

Chu kỳ hoạt động thông thường của Nhà trường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Nhà trường có trụ sở chính tại 207/20/1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Cao đẳng Viễn Đông được chuyển địa điểm hoạt động về Lô số 2, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 2183/UBND-VX ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng cán bộ công nhân viên của Nhà trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 152 người
(ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 171 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Nhà trường được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhà trường là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhà trường áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhà trường là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3.2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhà trường dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Tài sản khác	3 - 10 năm

3.5. Tài sản khác

Tài sản khác là chi phí trả trước bao gồm các chi phí được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.6. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhà trường đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhà trường có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.8. Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhà trường chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhà trường có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhà trường dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.9. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhà trường nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhà trường và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.159.890.551	1.598.461.340
Tiền gửi ngân hàng	1.244.763.404	2.184.189.446
TỔNG CỘNG	3.404.653.955	3.782.650.786

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng là phải thu học phí của học sinh, sinh viên.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH XD TM và DV Long Yến	4.911.915.383	5.151.915.383
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	129.075.602	56.528.297
TỔNG CỘNG	5.040.990.985	5.208.443.680

7. PHAI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	3.894.253.758	2.176.979.001
Phải thu khác	225.262.829	281.341.725
TỔNG CỘNG	4.119.516.587	2.458.320.726

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	3.826.148.805	8.527.881.072	1.481.904.084	13.835.933.961
Tăng trong năm (*)	-	90.790.000	-	90.790.000
Số cuối năm	3.826.148.805	8.618.671.072	1.481.904.084	13.926.723.961
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	236.117.805	5.606.363.011	1.265.400.000	7.107.880.816
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	2.456.113.935	5.611.636.944	1.393.044.271	9.460.795.150
Khấu hao trong năm (*)	179.501.550	115.728.862	44.429.907	339.660.318
Số cuối năm	2.635.615.485	5.727.365.806	1.437.474.178	9.800.455.468
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.370.034.870	2.916.244.128	88.859.813	4.375.138.811
Số cuối năm	1.190.533.320	2.891.305.267	44.429.907	4.126.268.493

- (*) Nguyên giá tài sản cố định tăng là do trong năm có mua sắm thêm một số thiết bị. Nhiều thiết bị, phần mềm năm nay đã hết khấu hao hoặc chỉ còn khấu hao dưới 12 tháng, do đó, số khấu hao của năm nay giảm đáng kể so với năm trước.

9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí triển khai phần mềm quản lý vận hành	10.362.972.258	10.362.972.258
TỔNG CỘNG	10.362.972.258	10.362.972.258

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Thu nhập cá nhân	35.671.181	204.324.770	(58.972.345)	181.023.606
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	21.179.586	20.414.963	(21.179.586)	20.414.963
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	56.850.767	227.739.733	(83.151.931)	201.438.569

11. VAY

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	7.125.000.000	9.193.797.000
TỔNG CỘNG	7.125.000.000	9.193.797.000

Tình hình tăng giảm các khoản vay trong năm như sau:

	Vay ngân hàng
Số đầu năm	9.193.797.000
Tiền thu từ đi vay	7.492.699.192
Tiền chi trả nợ gốc vay	(9.561.496.192)
Số cuối năm	7.125.000.000
Số có khả năng trả nợ	7.125.000.000

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**12.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

			VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	14.500.000.000	8.611.165	14.508.611.165
Lợi nhuận thuần trong năm	5.500.000.000	130.103.171	5.630.103.171
Số cuối năm	20.000.000.000	138.714.336	20.138.714.336
Năm nay			
Số đầu năm	20.000.000.000	138.714.336	20.138.714.336
Tăng vốn trong năm	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	125.406.198	125.406.198
Số cuối năm	25.000.000.000	264.120.534	25.264.120.534

12.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo danh sách góp vốn		
	Vốn đăng ký (VND)	% sở hữu	Vốn đã góp (VND)
Bà Lê Thị Oanh	2.500.000.000	10,00%	2.500.000.000
Ông Trần Thanh Hải	12.750.000.000	51,00%	12.750.000.000
Bà Nguyễn Hồng Trang	9.750.000.000	39,00%	9.750.000.000
TỔNG CỘNG	25.000.000.000	10,00%	25.000.000.000

13. DOANH THU**13.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Học phí của học sinh, sinh viên	18.011.824.640	19.191.790.537
TỔNG CỘNG	18.011.824.640	19.191.790.537

13.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	325.685	750.901
TỔNG CỘNG	325.685	750.901

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ giảng dạy	14.854.538.928	15.664.060.139
TỔNG CỘNG	14.854.538.928	15.664.060.139

15. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.274.624.390	1.752.969.723
Chi phí công tác tuyển sinh	286.198.543	514.701.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	582.255.742	597.972.785
Các chi phí khác	96.914.983	138.976.481
TỔNG CỘNG	2.239.993.658	3.004.620.932

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhà trường có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Nhà trường sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

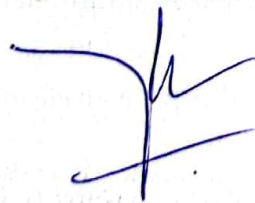
	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145.821.161	151.282.757
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	-	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	145.821.161	151.282.757
Lỗi năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế	145.821.161	151.282.757
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất	29.164.232	30.256.551
Thuế TNDN được giảm	(8.749.269)	(9.076.965)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.414.963	21.179.586

16.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Nhà trường.


Lê Thị Thúy Cẩm
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022



Trần Thanh Hải
Hiệu trưởng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI DƯƠNG
CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Số 88 đường DX006, Phường Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

ĐT: 0978 100 714 * Email: sun.aud.bd@gmail.com

Web: www.thaidualongaudit.vn